

# Quản trị công, chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia đang phát triển

TRẦN TRUNG KIÊN

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM – kientt@ueh.edu.vn

SỬ ĐÌNH THÀNH

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM – dinhthanh@ueh.edu.vn

---

*Ngày nhận:*

23/03/2017

*Ngày nhận lại:*

25/05/2017

*Ngày duyệt đăng:*

30/06/2017

*Mã số:*

0317-H59-V14

Nghiên cứu này hướng đến phân tích vai trò của quản trị công trong mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế với mẫu dữ liệu về 66 quốc gia đang phát triển giai đoạn 1998–2016. Thông qua ước lượng bằng phương pháp GMM, nghiên cứu đã phát hiện quản trị công làm cải thiện hiệu ứng tăng trưởng kinh tế của các thành phần chi tiêu công. Phát hiện đáng quan tâm của nghiên cứu là quản trị công làm gia tăng tác động của chi đầu tư lên tăng trưởng kinh tế; thêm vào đó, sự khác biệt về thể chế chính trị cũng có vai trò quan trọng trong mối quan hệ giữa chi tiêu công, quản trị công, và tăng trưởng kinh tế ở các nền kinh tế đang phát triển.

## **Abstract**

---

*Từ khóa:*

Quản trị công;  
Chi tiêu công;  
Tăng trưởng kinh tế

*Keywords:*

Public governance;  
Public expenditures;  
Economic growth.

Whether any linkages exist among public expenditures, public governance, and economic growth is still a matter of debate. Using a panel covering 66 developing countries for the 1998–2016 period, this paper seeks to examine the role of public governance in the nexus between public expenditures and economic growth. By adopting GMM estimates, the empirical results indicate that public governance generally improves the positive effects of public expenditure components on growth. Interestingly, public governance enhances the growth effect of productive public expenditures. The difference in political institution, in addition, plays a major role in explaining the associations among public expenditures, public governance, and economic growth in developing countries.

---

## 1. Giới thiệu

Chính phủ đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia (Acemoglu, 2008; Essama-Nssah & Moreno-Dodson, 2012; Gemmell & cộng sự, 2012; Zhuang & cộng sự, 2010). Trong số các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế, vai trò của chính phủ được quan tâm với nhiều lập luận và góc nhìn khác nhau. Tuy vậy, hầu hết đều tập trung vào hai khía cạnh: Quy mô chính phủ và thể chế (Acemoglu và cộng sự, 2008; Hyman, 2014; Zhuang & cộng sự, 2010). Hai khía cạnh này không độc lập mà có sự hỗ trợ lẫn nhau để đánh giá vai trò của chính phủ đối với sự phát triển của một nền kinh tế.

Mặc dù trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ này, song vẫn tồn tại một số khoảng trống nghiên cứu cần được làm sáng tỏ:

*Thứ nhất*, cơ cấu chỉ tiêu công chưa được chú trọng xem xét trong mối quan hệ giữa chỉ tiêu công, quản trị công và tăng trưởng kinh tế. Hầu như các nghiên cứu trước đây chỉ xem xét sự tương tác giữa chỉ tiêu công tổng thể và quản trị công mà thường bỏ qua sự tương tác giữa quản trị công với các thành phần chỉ tiêu công (Afonso & Jalles, 2016; Cooray, 2009; Pushak & cộng sự, 2007). Trong khi đó, các thành phần chỉ tiêu công lại có tác động khác nhau đến tăng trưởng kinh tế (Bose & cộng sự, 2007; Devarajan & cộng sự, 1996). Vì vậy, sự tương tác giữa quản trị công và các thành phần chỉ tiêu công rất cần được xem xét trong mô hình tăng trưởng.

*Thứ hai*, các nghiên cứu chưa khai thác hết các khía cạnh khác nhau của quản trị công trong sự tương tác với chỉ tiêu công, nhất là thể chế chính trị. Theo Acemoglu và cộng sự (2008) và Quibria (2014), quản trị công là một khái niệm đa chiều, bao gồm ba khía cạnh chính là: (1) Thể chế chính trị; (2) hiệu quả chính phủ; và (3) khuôn khổ pháp luật. Khi xem quản trị công như “nhân tố quyết định” tác động đến tăng trưởng, các nghiên cứu thuộc trường phái kinh tế học thể chế cũng chỉ mới dừng lại xem xét vai trò của quản trị công chủ yếu ở khía cạnh “hiệu quả chính phủ” và “khuôn khổ pháp luật”. Theo đó, các nghiên cứu này thường sử dụng bộ dữ liệu chỉ số quản trị toàn cầu (WGI) để đo lường quản trị công (Butkiewicz & Yanikkaya, 2011; Cooray, 2009; Zhuang & cộng sự, 2010). Devarajan (2008), Arndt (2008) và Andrews (2010) cho rằng các chỉ số này chưa phản ánh được bản chất thể chế chính trị mà vốn dĩ là nguồn gốc ra quyết định chính sách công. Nói khác đi, thể chế chính trị với đặc điểm là sự khác biệt trong cách thức tổ chức quốc hội (như đa đảng, lưỡng viện) chi phối cách thức ra quyết định chính sách

kinh tế và phân bổ nguồn lực công (Hyman, 2014). Điểm mới của nghiên cứu này là xem xét vai trò của thể chế chính trị trong mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển.

Xét về mặt thực tiễn, mối quan hệ giữa các yếu tố chi tiêu công, quản trị công và tăng trưởng kinh tế rất cần được khám phá tại các quốc gia đang phát triển. Trong những thập niên gần đây, các quốc gia đang phát triển bắt đầu chuyển mình với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, chi tiêu công cũng tăng dần về quy mô do nhu cầu ngày càng tăng của những dịch vụ công cộng, như: giáo dục, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, và đầu tư cơ sở hạ tầng tại các quốc gia đang phát triển (IMF, 2014). Thế nhưng, hiệu quả sử dụng vốn thấp trong chi tiêu công đang là vấn đề lớn tại các quốc gia đang phát triển. Trong đó, chất lượng thể chế yếu kém không chỉ tác động đến chi tiêu công mà còn tạo điều kiện cho tham nhũng và trục lợi, từ đó, làm giảm hiệu quả kinh tế của đầu tư công (Keefer & Knack, 2007; Cooray, 2009; Brumby & Kaiser, 2012). Chất lượng quản trị công tại các quốc gia đang phát triển hiện nay là rất hạn chế trên hầu hết các khía cạnh (WGI, 2016). Vì vậy, việc khám phá tác động của quản trị công, chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế sẽ là cơ sở để chính phủ quyết định các chính sách có liên quan đến hiệu quả hoạt động, góp phần tạo động lực thúc đẩy kinh tế phát triển.

Sau phần giới thiệu, bài nghiên cứu được cấu trúc như sau: Phần 2 trình bày cơ sở lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm; phần 3 giới thiệu mô hình nghiên cứu; phần 4 giới thiệu về phương pháp và dữ liệu nghiên cứu; phần 5 tóm lược kết quả ước lượng và thảo luận; và cuối cùng là phần 6, kết luận và gợi ý chính sách.

## **2. Cơ sở lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm**

Khi tiếp cận ở góc độ thể chế, mối quan hệ giữa quản trị công và tăng trưởng kinh tế đã thu hút nhiều nhà kinh tế quan tâm. Lý thuyết kinh tế học thể chế mới vừa thừa nhận quản trị công như một “nhân tố quyết định” tác động đến tăng trưởng kinh tế. Theo đó, nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã xem xét vai trò của chính phủ đối với tăng trưởng kinh tế thông qua kết hợp giữa quản trị công và chi tiêu công, chẳng hạn như các nghiên cứu: Afonso và Jalles (2016); Baldacci và cộng sự (2004); Butkiewicz và Yanikkaya (2011); Cooray (2009), Dzhumashev (2014), Pushak và cộng sự (2007), Rajkumar và Swaroop (2008), Sen (2014), Zhuang và cộng sự (2010). Hầu hết các kết quả nghiên cứu đều cho thấy quản trị công được đo lường bằng “hiệu quả chính phủ” và “khuôn khổ pháp luật”,

đồng thời có tác động dương và có ý nghĩa lên tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, nghiên cứu về hiệu ứng tương tác giữa quản trị công và chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế vẫn còn tồn tại nhiều tranh luận. Các nghiên cứu thường chỉ xem xét tương tác giữa quản trị công với chi tiêu công ở mức độ chi tiêu công tổng thể, chẳng hạn như nghiên cứu: Afonso và Jalles (2016), Baldacci và cộng sự (2004), Butkiewicz và Yanikkaya (2011), Cooray (2009), theo đó, các nghiên cứu thường bỏ qua sự tương tác giữa quản trị công và các thành phần chi tiêu công. Một vài nghiên cứu khác cho thấy sự tương tác giữa quản trị công và các thành phần chi tiêu công có hiệu ứng khác nhau lên tăng trưởng kinh tế như: Gemmell và cộng sự (2012), Kneller và cộng sự (1999).

Xét về yếu tố thể chế chính trị, trên thế giới đã có một số nghiên cứu xem xét sự khác biệt về các yếu tố trong thể chế chính trị tác động đến chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế, như: Brender và Drazen (2013), Chang (2008), De Haan và Sturm (1997), Hayo và Neumeier (2012), Katsimi và Sarantides (2012), Libman (2012), Mohtadi và Roe (2003), Morozumi và cộng sự (2014), Potrafke (2010, 2011), Van Dalen và Swank (1996), Vergne (2009). Nhiều nghiên cứu đã khai thác tính đa dạng của thể chế chính trị để phân tích tác động của nó đối với tăng trưởng kinh tế, như: Khác biệt chế độ bầu cử (Brender & Drazen, 2013; Chang, 2008; Katsimi & Sarantides, 2012; Morozumi & cộng sự, 2014; Vergne, 2009); khác biệt hệ tư tưởng của hệ thống chính trị (Potrafke, 2011; Brender & Drazen, 2009, 2013; Hayo & Neumeier, 2012); hay mức độ dân chủ (Libman, 2012; Mohtadi & Roe, 2003; Vergne, 2009). Sự khác biệt thể chế chính trị có tác động đến hiệu quả chi tiêu công là do liên quan đến chế độ kiểm soát và giám sát chi tiêu công, tuy nhiên, nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã bỏ qua khía cạnh này để ước lượng hiệu ứng tương tác của chi tiêu công với thể chế chính trị lên tăng trưởng kinh tế.

### 3. Mô hình nghiên cứu

Bài viết hiệu chỉnh mô hình nghiên cứu của Cooray (2009) nhằm lý giải tác động của chi tiêu công và chất lượng quản trị công đến tăng trưởng kinh tế. Theo đó, mô hình vận dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas trong kết hợp giữa quy mô chính phủ và chất lượng quản trị công như sau:

$$y_t = Ak_t^\alpha h_t^\beta (g_t e^{\theta\psi})^\gamma \quad (1)$$

Trong đó,

$\Psi$ : Biến đo lường chất lượng quản trị công;

$\varpi$ : Biến số đo lường tiến bộ công nghệ;

$n$ : Biến số thể hiện tốc độ tăng lao động;

$\delta$ : Tỷ lệ chiết khấu vốn; và

$S_K, S_H, S_G$ : Lần lượt là phần thu nhập dành cho vốn đầu tư tư nhân, vốn con người và vốn chính phủ.

Trạng thái cân bằng đạt được khi phần gia tăng của mỗi loại vốn có cùng tốc độ với sự gia tăng của lực lượng lao động và thay thế phần vốn bị khấu hao với tốc độ chiết khấu  $\delta$ . Trạng thái cân bằng được biểu thị dưới dạng hàm logarit tuyến tính như sau:

$$\ln y_t^* = a_0 + a_1 \ln \left[ \frac{S_K}{n+\varpi+\delta} \right] + a_2 \ln \left[ \frac{S_H}{n+\varpi+\delta} \right] + a_3 \ln \left[ \frac{S_G}{n+\varpi+\delta} \right] + a_4 \psi \quad (2)$$

Với  $a_4 = \theta \gamma$

Tốc độ tăng trưởng bình quân đầu người ở trạng thái cân bằng được biểu thị dưới dạng:

$$\ln y_t - \ln y_{t-1} = (1 - e^{-\lambda t})(\ln y_t^* - \ln y_{t-1}) \quad (3)$$

Trong đó,

$y_{t-1}$ : Thu nhập bình quân đầu người năm trước đó; và

$y_t^*$ : Thu nhập bình quân đầu người ở trạng thái cân bằng.

Từ phương trình (2), trừ  $y_{t-1}$  ở cả hai vế của phương trình và thay thế  $y_t^*$ , ta có:

$$\ln y_t - \ln y_{t-1} = a_0 + a_1 \ln \left[ \frac{S_K}{n+\varpi+\delta} \right] + a_2 \ln \left[ \frac{S_H}{n+\varpi+\delta} \right] + a_3 \ln \left[ \frac{S_G}{n+\varpi+\delta} \right] + a_4 \psi + a_5 \ln y_{t-1} + \varepsilon \quad (4)$$

Theo đó, để kiểm định thực nghiệm tác động của quản trị công, chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế với trường hợp nghiên cứu ở các quốc gia đang phát triển, phương trình thực nghiệm có dạng như sau:

$$\ln y_{it} - \ln y_{it-1} = d \ln y_{it} = \alpha_{it} + \beta_1 \ln y_{it-1} + \beta_2 \ln k_{it} + \beta_3 \ln h_{it} + \beta_4 \ln g_{it} + \beta_5 \text{GOV}_{it} + \beta_6 Z_{it} + \eta_i + \varepsilon_{it} \quad (5)$$

Để đánh giá tác động các thành phần chi tiêu công, bài viết phân loại chi tiêu công gồm các thành phần chi đầu tư (chi tiêu công vào các lĩnh vực giáo dục y tế, vận tải và truyền thông) và chi thường xuyên (Devarajan & cộng sự, 1996; Kneller & cộng sự, 1999). Phương trình thực nghiệm (5) được viết lại như sau:

$$d \ln y_{it} = \alpha_{it} + \beta_1 \ln y_{it-1} + \beta_2 \ln k_{it} + \beta_3 \ln h_{it} + \beta_4 \ln g_{1it} + \beta_5 \ln g_{2it} + \beta_6 \text{GOV}_{it} + \beta_7 Z_{it} + \eta_i + \varepsilon_{it} \quad (6)$$

Trong đó,

$\eta_i \sim \text{i.i.d}(0, \sigma_\eta)$ ;  $\varepsilon_{it} \sim \text{i.i.d}(0, \sigma_\varepsilon)$ ;  $E(\eta_i \varepsilon_{it}) = 0$ . Các biến đều ở dạng logarit trừ các chỉ số quản trị công,  $i$  và  $t$  là chỉ số về quốc gia và thời gian;

$d\ln y_{it} = \ln y_{it} - \ln y_{it-1}$ : Biến đại diện tốc độ tăng trưởng kinh tế, được đo lường bằng sai phân bậc nhất của GDP bình quân đầu người;

$y_{t-1}$  là biến số đo lường GDP nội tại, được đo lường bằng GDP bình quân đầu người năm  $t-1$ ;

$k_{it}$ : Vốn đầu tư, được đo lường bằng vốn đầu tư trên tổng sản phẩm quốc nội GDP.

$h_{it}$ : Vốn con người, được đo lường bằng chỉ số vốn con người;

$g_{1it}$ : Các thành phần chi đầu tư, được đo lường bằng các thành phần chi tiêu công vào các lĩnh vực giáo dục, y tế, truyền thông và vận tải trên tổng sản phẩm quốc nội GDP;

$g_{2it}$ : Các thành phần chi thường xuyên, được đo lường bằng các thành phần chi tiêu công khác, ngoài các lĩnh vực giáo dục, y tế, truyền thông và vận tải, trên tổng sản phẩm quốc nội GDP;

$GOV_{it}$ : Chỉ số quản trị công, được đo lường bằng trung bình sáu chỉ số quản trị công của WGI (2016); và

$Z_{it}$ : Tập biến kiểm soát bao gồm độ mở thương mại ( $OPEN_{it}$ ) và nợ công ( $d_{it}$ ). Việc lựa chọn các biến kiểm soát dựa vào lược khảo các nghiên cứu trước (Aizenman & cộng sự, 2007; Baldwin, 2004; Checherita-Westphal & Rother, 2012; Dowrick & Golley, 2004; Jin, 2000) và sự sẵn có của dữ liệu.

## 4. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

### 4.1. Phương pháp nghiên cứu

Để phân tích thực nghiệm, nghiên cứu này áp dụng phương pháp ước lượng GMM sai phân của: Arellano và Bond (1991), Arellano và Bover (1995), Holtz-Eakin và cộng sự (1988). Trong điều kiện các biến vĩ mô trong mô hình có khả năng nội sinh cùng khuyết tật khác như phương sai thay đổi và tự tương quan, thì ước lượng GMM được xem là kỹ thuật ước lượng phù hợp. Phương pháp GMM sai phân sẽ xử lý được hiện tượng tự tương quan này bằng cách lấy độ trễ của các biến làm công cụ. Ngoài ra, khi chuyển sang hồi quy với biến sai phân bậc 1, các độ lệch tiềm ẩn do bỏ sót biến và các hiệu ứng cố định của các đơn vị chéo cũng sẽ được loại bỏ.

Sau khi thực hiện kiểm định với phương pháp GMM, qua chỉ số kiểm định Hansen/Sargan, tính hợp lý của các biến công cụ được sử dụng trong ước lượng GMM được đánh giá. Kiểm định Hansen/Sargan là kiểm định giới hạn về nội sinh của mô hình (Overidentifying Restrictions). Kiểm định Hansen/Sargan, với giả thuyết  $H_0$ : Biến công cụ là biến ngoại sinh, có nghĩa là không tương quan với sai số trong mô hình. Ngoài ra, các kiểm định về khả năng xảy ra tự tương quan của sai số mô hình và giá trị của biến công cụ cũng được xem xét. Kiểm định Arellano-Bond về tự tương quan có giả thuyết  $H_0$ : Không tự tương quan và được áp dụng cho số dư sai phân. Kiểm định tiến trình AR(1) trong sai phân bậc 1 thường bác bỏ giả thuyết  $H_0$ . Theo đó, kiểm định AR(2) được chú trọng hơn bởi vì nó kiểm tra tự tương quan ở các cấp độ.

#### 4.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu là dữ liệu thứ cấp đo lường các biến được mô tả trong mô hình thực nghiệm. Dữ liệu thu thập được lấy theo năm về 66 quốc gia đang phát triển trên thế giới giai đoạn 1998–2016. Cụ thể, phần lớn các biến chủ yếu được thu thập từ bộ dữ liệu của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), riêng chỉ số vốn con người được trích xuất từ bộ dữ liệu Penn World Table 9.0 (PWT 9.0) (UG, 2017). Các biến chi tiêu công thành phần được thu thập từ bộ dữ liệu thống kê về chi tiêu công cho phát triển kinh tế (Statistics on Public Expenditures for Economic Development - SPEED) của Viện Nghiên cứu Chính sách Thực phẩm quốc tế (IFPRI, 2015). Trong đó, các thành phần chi đầu tư là các thành phần chi tiêu công cho các lĩnh vực y tế, giáo dục, truyền thông và vận tải (Devarajan & cộng sự, 1996; Kneller & cộng sự, 1999). Bên cạnh đó, để làm rõ hơn đặc thù về thể chế chính trị của các quốc gia, bài viết sử dụng biến giả về thể chế chính trị (Political Regime), được thu thập từ cơ sở dữ liệu về các thể chế chính trị (Database of Political Institutions – DPI) của Ngân hàng Phát triển Nam Mỹ (IDB, 2016). Chỉ số quản trị công trung bình (GOV) được thu thập từ nguồn dữ liệu của World Bank (WGI, 2016). Thống kê mô tả các biến được trình bày ở Bảng 1.

**Bảng 1**

## Thống kê mô tả các biến

Biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị tối thiểu	Giá trị tối đa
GDP bình quân đầu người	1.254	5.151,858	7.088,306	111,531	54.484,3
Vốn đầu tư	1.254	22,972	7,277	1,729	51,335
Vốn con người	1.254	2,311	0,546	1,140	3,390
Chi đầu tư	1.254	6,609	3,621	0,181	20,681
Chi thường xuyên	1.254	21,413	8,063	3,730	58,144
Nợ công	1.254	52,793	59,989	2,690	789,333
Độ mở thương mại	1.254	78,483	40,753	0,167	321,631
Chỉ số quản trị công trung bình	1.254	-0,293	0,610	-1,800	1,310
Chỉ số về thể chế chính trị	1.254	0,250	0,433	0	1

*Ghi chú:* chỉ số quản trị công trung bình được xác định bằng trung bình cộng 6 chỉ số quản trị công của WGI (2016).

*Nguồn:* IMF (2017); UG (2017); The World Bank (2016); IFPRI (2015).

**5. Kết quả ước lượng và thảo luận**

Tương tự nghiên cứu của Afonso & Jalles (2016) phân tích sự tương tác giữa quản trị công và các thành phần chi tiêu công, tác giả thêm vào các biến tương tác giữa quản trị công và các thành phần chi tiêu công. Khi đó, phương trình thực nghiệm (6) được viết lại như sau:

$$d\ln y_{it} = \alpha_{it} + \beta_1 \ln y_{it-1} + \beta_2 \ln k_{it} + \beta_3 \ln h_{it} + \beta_4 \ln g_{1it} + \beta_5 \ln g_{2it} + \beta_6 GOV + \beta_7 Z_{it} + \beta_8 g_{1it} * GOV_{it} + \eta_i + \varepsilon_{it} \quad (7)$$

$$d\ln y_{it} = \alpha_{it} + \beta_1 \ln y_{it-1} + \beta_2 \ln k_{it} + \beta_3 \ln h_{it} + \beta_4 \ln g_{1it} + \beta_5 \ln g_{2it} + \beta_6 GOV + \beta_7 Z_{it} + \beta_9 g_{2it} * GOV_{it} + \eta_i + \varepsilon_{it} \quad (8)$$

Theo đó, tác giả tiến hành kiểm định thực nghiệm ba mô hình (6), (7), (8) với trường hợp các quốc gia đang phát triển giai đoạn 1998–2016. Kết quả kiểm định các mô hình (6), (7), (8) lần lượt được trình bày ở các cột (1), (2) và (3) của Bảng 2.

**Bảng 2**

Tác động của quản trị công, các thành phần chi tiêu công và các biến tương tác đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển giai đoạn 1998–2016

Biến	(1)	(2)	(3)
GDP nội tại	−0,720***	−0,747***	−0,666***
Vốn đầu tư	0,283***	0,240***	0,411***
Vốn con người	4,273***	4,855***	3,819***
Độ mở thương mại	−0,032**	−0,002	−0,049***
Nợ công	−0,187***	−0,222***	−0,072***
Chi đầu tư	0,064***	0,106***	0,098**
Chi thường xuyên	−0,314***	−0,357***	−0,502***
Quản trị công	0,303***	0,111*	0,451***
Chi đầu tư * quản trị công		0,040***	
Chi thường xuyên * quản trị công			−0,007*
Kiểm định Hansen	0,46	0,818	0,477
Kiểm định Sargan	0,141	0,387	0,14
Kiểm định AR(2)	0,702	0,488	0,697
Biến công cụ	50	58	51

*Ghi chú:* \*, \*\*, \*\*\* lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa 10%, 5%, 1%;

Biến phụ thuộc: Tốc độ tăng trưởng kinh tế ( $dlny_{it}$ );

Phương pháp ước lượng: Dif-GMM.

Kết quả cho thấy, vốn đầu tư và vốn con người tạo ra tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, hệ số hồi quy của GDP nội tại là âm, phản ánh lí thuyết hội tụ về tăng trưởng kinh tế của các quốc gia trong mẫu nghiên cứu. Tương tự các nghiên cứu của: Bal và Rath (2014), Schclarek (2004), Yanikkaya (2003), kết quả nghiên cứu cũng cho thấy độ mở thương mại và nợ công có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế.

Kết quả phân tích các thành phần chi tiêu công cho thấy: Chi đầu tư tác động tích cực lên tăng trưởng kinh tế, song chi thường xuyên lại có tác động tiêu cực đến tăng trưởng

kinh tế. Quản trị công có tác động dương lên tăng trưởng kinh tế. Về tương tác giữa các thành phần chi tiêu công và quản trị công, kết quả kiểm định cho thấy tương tác giữa chi đầu tư và quản trị công có tác động dương lên tăng trưởng kinh tế. Điều này có nghĩa là, quản trị công tốt hơn làm cải thiện tác động tăng trưởng kinh tế của chi đầu tư. Trong khi đó, tương tác giữa chi thường xuyên với quản trị công có tác động âm lên tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển. Kết quả hàm ý ở các quốc gia đang phát triển, các chính sách về chi tiêu công và quản trị công cần được kết hợp hài hòa nhằm tạo ra động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Như Devarajan (2008), Arndt (2008), và Andrews (2010) nhận định, các chỉ số của WGI chưa phản ánh sự đa dạng của quản trị công tác động đến sự phát triển ở một quốc gia. Các chỉ số này chưa quan tâm đến đặc điểm thể chế chính trị của quốc gia. Vì vậy, chú trọng vào đặc thù chính trị ở các quốc gia, nghiên cứu xem xét yếu tố thể chế chính trị trong mối quan hệ với chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế. Biến thể chế chính trị được mã hóa như sau: Giá trị 0 là những quốc gia theo thể chế chính trị nghị viện, và giá trị 1 là không theo thể chế chính trị nghị viện (DPI, 2012). Khám phá vai trò của thể chế chính trị trong mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế, nghiên cứu đưa vào mô hình biến tương tác giữa các thành phần chi tiêu công ( $g_1, g_2$ ) và thể chế chính trị (POL), lúc này, phương trình (6), (7), (8) viết lại thành:

$$dlny_{it} = \alpha_{it} + \beta_1 lny_{it-1} + \beta_2 lnk_{it} + \beta_3 lnh_{it} + \beta_4 lng_{1it} + \beta_5 lng_{2it} + \beta_6 GOV_{it} + \beta_7 Z_{it} + \beta_8 POL_i + \eta_i + \varepsilon_{it} \quad (9)$$

$$dlny_{it} = \alpha_{it} + \beta_1 lny_{it-1} + \beta_2 lnk_{it} + \beta_3 lnh_{it} + \beta_4 lng_{1it} + \beta_5 lng_{2it} + \beta_6 GOV_{it} + \beta_7 Z_{it} + \beta_9 g_{1it} * POL_i + \eta_i + \varepsilon_{it} \quad (10)$$

$$dlny_{it} = \alpha_{it} + \beta_1 lny_{it-1} + \beta_2 lnk_{it} + \beta_3 lnh_{it} + \beta_4 lng_{1it} + \beta_5 lng_{2it} + \beta_6 GOV_{it} + \beta_7 Z_{it} + \beta_9 g_{2it} * POL_i + \eta_i + \varepsilon_{it} \quad (11)$$

Kết quả kiểm định các mô hình (9), (10), (11) được trình bày lần lượt ở các cột (1), (2), và (3) của Bảng 3.

**Bảng 3**

Tác động của quản trị công, các thành phần chi tiêu công và các biến tương tác đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển có thể chế chính trị khác nhau giai đoạn 1998–2016

Biến	(1)	(2)	(3)
GDP nội tại	-0,724***	-0,705***	-0,710***
Vốn đầu tư	0,276***	0,195***	0,262***
Vốn con người	4,283***	4,025***	4,463***
Độ mở thương mại	-0,032**	-0,031***	-0,040***
Nợ công	-0,188***	-0,213***	-0,200***
Chi đầu tư	0,060**	0,044*	0,046*
Chi thường xuyên	-0,309***	-0,229***	-0,248***
Quản trị công	0,293***	0,267***	0,279***
Thể chế chính trị	0,154*		
Chi đầu tư * thể chế chính trị		0,024**	
Chi thường xuyên* thể chế chính trị			0,006**
Kiểm định Hansen	0,477	0,399	0,365
Kiểm định Sargan	0,14	0,14	0,171
Kiểm định AR(2)	0,697	0,497	0,456
Biến công cụ	51	51	51

*Ghi chú:* \*, \*\*, \*\*\* lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa 10%, 5%, 1%;

Biến phụ thuộc: Tốc độ tăng trưởng kinh tế ( $dlny_{it}$ );

Phương pháp ước lượng: Dif-GMM.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Biến thể chế chính trị có tác động dương lên tăng trưởng kinh tế; Tương tác giữa thể chế chính trị và chi tiêu công có tác động dương đối với tăng trưởng kinh tế. Thêm vào đó, kết quả còn cho thấy tương tác giữa thể chế chính trị và các thành phần chi tiêu công lên tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia có thể chế chính trị nghị viện đều tốt hơn so với các quốc gia không có thể chế nghị viện.

Như vậy, kết quả kiểm định chỉ ra các chỉ số đo lường quản trị công cần được hoàn

thiện hơn nhằm nắm bắt tốt hơn cách thức mà quản trị công tác động đến tăng trưởng kinh tế bởi những đặc điểm riêng của từng quốc gia, mà trước tiên là đặc thù thể chế chính trị. Qua đó, kết quả nghiên cứu này cũng sẽ là cơ sở để đề xuất những hàm ý chính sách nhằm cải thiện hiệu quả kinh tế của chi tiêu công tại các quốc gia đang phát triển.

## 6. Kết luận và gợi ý chính sách

Với mục tiêu khám phá mối quan hệ giữa quản trị công, chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển giai đoạn 1998–2016, kết quả nghiên cứu đã làm rõ hơn tác động cũng như sự tương tác giữa các nhân tố đến tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, trong khi chi đầu tư tác động tích cực thì chi thường xuyên lại tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Quản trị công nhìn chung tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Thêm vào đó, quản trị công làm cải thiện hiệu ứng tăng trưởng kinh tế của chi đầu tư. Tuy nhiên, trong chừng mực nào đó, quản trị công ở các nền kinh tế đang phát triển chưa làm cải thiện hiệu ứng tăng trưởng của chi thường xuyên.

Nổi bật nhất và cũng là điểm mới của nghiên cứu này là đưa vào biến thể chế chính trị nhằm nghiên cứu sự khác biệt hệ thống chính trị có ảnh hưởng như thế nào đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả cho thấy, sự khác biệt về thể chế chính trị cũng đóng vai trò quan trọng trong mối quan hệ giữa chi tiêu công, quản trị công và tăng trưởng kinh tế. Các quốc gia có thiết lập hệ thống nghị viện thì hiệu ứng tăng trưởng kinh tế của chi tiêu công được tăng cường hơn các quốc gia còn lại.

Nhìn chung, để nâng cao hiệu quả kinh tế của chi tiêu công, kết quả nghiên cứu cho thấy các quốc gia đang phát triển cần phải kết hợp hài hòa hai nhóm giải pháp: Kiểm soát quy mô, tái cơ cấu chi tiêu công hiệu quả, và nâng cao chất lượng quản trị công. Bên cạnh đó, hàm ý từ kết quả nghiên cứu cũng cho rằng các chính sách này cần được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp cho từng quốc gia cụ thể bởi những khác biệt về thể chế chính trị ■

---

## Tài liệu tham khảo

- Acemoglu, D., North, D., Fukuyama, F., & Rodrik, D. (2008). Governance, growth, and development decision-making. *Working paper No. 44186*. Washington, DC: World Bank. Retrieved from <http://documents.worldbank.org/curated/en/373891468314694298/Governance-growth-and-development-decision-making>
- Adeleke, A. I. (2014). FDI-growth nexus in Africa: Does governance matter? *Journal of Economic*

- Development*, 39(1), 111–135.
- Afonso, A., & Jalles, J. (2016). Economic performance, government size, and institutional quality. *Empirica*, 43(1), 83–109.
- Aizenman, J., Pinto, B., & Radziwill, A. (2007). Sources for financing domestic capital—Is foreign saving a viable option for developing countries? *Journal of International Money and Finance*, 26(5), 682–702.
- Andrews, M. (2010). Good government means different things in different countries. *Governance*, 23(1), 7–35.
- Arellano, M., & Bond, S. (1991). Some tests of specification for panel data: Monte Carlo evidence and an application to employment equations. *The Review of Economic Studies*, 58(2), 277–297.
- Arellano, M., & Bover, O. (1995). Another look at the instrumental variable estimation of error-components models. *Journal of Econometrics*, 68(1), 29–51.
- Arndt, C. (2008). The politics of governance ratings. *International Public Management Journal*, 11(3), 275–297.
- Bal, D. P., & Rath, B. N. (2014). Public debt and economic growth in India: A reassessment. *Economic Analysis and Policy*, 44(3), 292–300.
- Baldacci, E., Hillman, A. L., & Kojo, N. C. (2004). Growth, governance, and fiscal policy transmission channels in low-income countries. *European Journal of Political Economy*, 20(3), 517–549.
- Baldwin, R. E. (2004). Openness and growth: What's the empirical relationship? In R. E. Baldwin, & L. A. Winters (Eds.). *Challenges to globalization: Analyzing the economics* (pp. 499–526). Chicago: University of Chicago Press.
- Bose, N., Haque, M. E., & Osborn, D. R. (2007). Public expenditure and economic growth: A disaggregated analysis for developing countries. *The Manchester School*, 75(5), 533–556.
- Brender, A., & Drazen, A. (2009). *Do leaders affect government spending priorities?* Retrieved from <https://core.ac.uk/download/pdf/6463041.pdf>
- Brender, A., & Drazen, A. (2013). Elections, leaders, and the composition of government spending. *Journal of Public Economics*, 97, 18–31.
- Brumby, J., & Kaiser, K. (2012). Public Investment Management Challenges and Tools. *Is Fiscal Policy the Answer?: A Developing Country Perspective*. Washington, DC: World Bank. doi: 10.1596/978-0-8213-9630-8
- Butkiewicz, J. L., & Yanikkaya, H. (2011). Institutions and the impact of government spending on growth. *Journal of Applied Economics*, 14(2), 319–341.
- Chang, E. C. (2008). Electoral incentives and budgetary spending: rethinking the role of political institutions. *The Journal of Politics*, 70(4), 1086–1097.
- Checherita-Westphal, C., & Rother, P. (2012). The impact of high government debt on economic

- growth and its channels: An empirical investigation for the euro area. *European Economic Review*, 56(7), 1392–1405.
- Cooray, A. (2009). Government Expenditure, Governance and Economic Growth. *Comparative Economic Studies*, 51(3), 401–418.
- De Haan, J., & Sturm, J.-E. (1997). Political and economic determinants of OECD budget deficits and government expenditures: A reinvestigation. *European Journal of Political Economy*, 13(4), 739–750.
- Devarajan, S. (2008). Two comments on “Governance indicators: where are we, where should we be going?” by Daniel Kaufmann and Aart Kraay. *The World Bank Research Observer*, 23(1), 31–36.
- Devarajan, S., Swaroop, V., & Zou, H.-f. (1996). The composition of public expenditure and economic growth. *Journal of Monetary Economics*, 37(2), 313–344.
- Dowrick, S., & Golley, J. (2004). Trade openness and growth: who benefits? *Oxford Review of Economic Policy*, 20(1), 38–56.
- Dzhumashev, R. (2014). Corruption and growth: The role of governance, public spending, and economic development. *Economic Modelling*, 37, 202–215.
- Essama-Nssah, B., & Moreno-Dodson, B. (2012). Fiscal Policy for Growth and Social Welfare. In B. Moreno-Dodson (Ed.), *Is Fiscal Policy the Answer?: A Developing Country Perspective*. Washington, DC: World Bank.
- Gemmell, N., Misch, F., & Moreno-Dodson, B. (2012). Public spending and long-run growth in practice: concepts, tools, and evidence. *Is Fiscal Policy the Answer?: A Developing Country Perspective*. Washington, DC: World Bank.
- Hayo, B., & Neumeier, F. (2012). Leaders’ impact on public spending priorities: The case of the German Laender. *Kyklos*, 65(4), 480–511.
- Holtz-Eakin, D., Newey, W., & Rosen, H. S. (1988). Estimating vector autoregressions with panel data. *Econometrica: Journal of the Econometric Society*, 56(6), 1371–1395.
- Hyman, D. N. (2014). *Public finance: A contemporary application of theory to policy*. Boston: Cengage Learning.
- IDB. (2016). *The Database of Political Institutions 2015 (DPI2015)*. Retrieved June 01, 2017, from [http://www.iadb.org/en/research-and-data/publication-details,3169.html?pub\\_id=IDB-DB-121](http://www.iadb.org/en/research-and-data/publication-details,3169.html?pub_id=IDB-DB-121)
- IFPRI. (2015). *Statistics on public expenditures for economic development (SPEED)*. (Publication no. 10.7910/DVN/INZ3QK). Retrieved July 01, 2017, from <http://www.ifpri.org/publication/statistics-public-expenditures-economic-development-speed>
- IMF. (2014). *Public Expenditure Reform: Making Difficult Choices*. Retrieved from <http://www.imf.org/en/Publications/FM/Issues/2016/12/31/Public-Expenditure-Reform-Making-Difficult-Choices>

- IMF. (2017). *World Economic Outlook Database*. Retrieved June 01, 2017, from <http://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2017/01/weodata/index.aspxPWT>
- Jin, J. C. (2000). Openness and growth: An interpretation of empirical evidence from East Asian countries. *Journal of International Trade & Economic Development*, 9(1), 5–17.
- Katsimi, M., & Sarantides, V. (2012). Do elections affect the composition of fiscal policy in developed, established democracies? *Public Choice*, 151(1–2), 325–362.
- Keefer, P., & Knack, S. (2007). Boondoggles, rent-seeking, and political checks and balances: Public investment under unaccountable governments. *The Review of Economics and Statistics*, 89(3), 566–572.
- Kneller, R., Bleaney, M. F., & Gemmell, N. (1999). Fiscal policy and growth: Evidence from OECD countries. *Journal of Public Economics*, 74(2), 171–190.
- Libman, A. (2012). Democracy, size of bureaucracy, and economic growth: Evidence from Russian regions. *Empirical Economics*, 43(3), 1321–1352.
- Mohtadi, H., & Roe, T. L. (2003). Democracy, rent seeking, public spending and growth. *Journal of Public Economics*, 87(3), 445–466.
- Morozumi, A., Veiga, F. J., & Veiga, L. G. (2014). Electoral effects on the composition of public spending and revenue: Evidence from a large panel of countries. *NIPE Working paper series*, 23, 1–42.
- Potrafke, N. (2010). The growth of public health expenditures in OECD countries: do government ideology and electoral motives matter? *Journal of Health Economics*, 29(6), 797–810.
- Potrafke, N. (2011). Does government ideology influence budget composition? Empirical evidence from OECD countries. *Economics of Governance*, 12(2), 101–134.
- Pushak, T., Tiongson, E. R., & Varoudakis, A. (2007). Public finance, governance, and growth in transition economies: Empirical evidence from 1992–2004. *Policy Research Working Paper No. WPS4255*.
- Quibria, M. G. (2014). *Governance and Developing Asia: Concepts, Measurements, Determinants, and Paradoxes*. Retrieved from <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/31234/ewp-388.pdf>
- Rajkumar, A. S., & Swaroop, V. (2008). Public spending and outcomes: Does governance matter? *Journal of Development Economics*, 86(1), 96–111.
- Schclarek, A. (2004). Debt and economic growth in developing and industrial countries. *Lund University Department of Economics Working Paper No. 2005:34*.
- Sen, K. (2014). Governance and Development Outcomes in Asia.
- The World Bank. (2016). *Worldwide Governance Indicators (WGI)*. Retrieved June 01, 2017, from <http://data.worldbank.org/data-catalog/worldwide-governance-indicators>
- UG. (2017). *Penn World Table version 9.0*. Retrieved June 01, 2017,

from <http://www.rug.nl/ggdc/productivity/pwt/>

- Van Dalen, H. P., & Swank, O. H. (1996). Government spending cycles: Ideological or opportunistic? *Public Choice*, 89(1–2), 183–200.
- Vergne, C. (2009). Democracy, elections and allocation of public expenditures in developing countries. *European Journal of Political Economy*, 25(1), 63–77.
- Yanikkaya, H. (2003). Trade openness and economic growth: a cross-country empirical investigation. *Journal of Development Economics*, 72(1), 57–89.
- Zhuang, J., de Dios, E., & Martin, A. L. (2010). Governance and institutional quality and the links with economic growth and income inequality: With special reference to developing Asia. *ADB Economics Working Paper Series No. 193*.